

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 30-7-2020.

V/v ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm và bà Ngô Thị Cần

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Toà án nhân dân huyện Thạch Thành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Ngọc T, sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, TS, TK (Nay là thôn NB, thị trấn K) huyện TT, tỉnh Thanh Hoá .

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Hoàng Xuân Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 4, TS, TK (Nay là thôn NB, thị trấn K) huyện TT, tỉnh Thanh Hoá

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Hoàng Xuân Th tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/12/2012 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa là địa phương nơi chị đăng ký hộ khẩu thường trú trước đây. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn về quan điểm sống, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ được. Chị và anh Th đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, chị đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện Y. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Xuân Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Th có 01 con chung tên là Hoàng Thái B, sinh ngày 18/7/2013. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 28/5/2020, bị đơn là anh Hoàng Xuân Th trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và cô Trịnh Thị Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống. Anh và chị T đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn cô Trịnh Thị Ngọc T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên là Hoàng Thái B, sinh ngày 18/7/2013, sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu bảo cho cô T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng cô T.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 03/3/2020 của chị Trịnh Thị Ngọc T. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y xác nhận chị T, anh Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên sau khi cưới chung sống cùng gia đình bên nội anh Th, chị T đã đến nhà ngoại (Nơi bố, mẹ chị T sinh sống) để làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn gia đình nên từ tháng 4/2018 đến nay chị T anh Th đã sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành xác minh tại thôn NB, thị trấn K, huyện TT thì sau khi kết hôn, chị T và anh Th có chung sống tại thôn NB, thị trấn K, tuy nhiên sau một thời gian chung sống chị T chuyển về quê ngoại ở thôn H, xã Đ, huyện Y được khoảng 5 năm nay. Vợ chồng có mâu thuẫn do điều kiện kinh tế, làm ăn. Đến nay, anh Th, chị T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn NB, thị trấn K, huyện TT nhưng vợ chồng đã ly thân.

Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã nhiều lần triệu tập

anh Hoàng Xuân Th đến Tòa án để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải nhưng anh Th không có mặt do đó Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Th và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Hoàng Xuân Th và lập biên bản về việc không hòa giải được để tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 207, 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, mặc dù đã có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng mặc dù được Tòa án triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhưng bị đơn không có mặt do đó bị đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Căn cứ Điều 51; 53, 56, 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc T, xử cho chị Trịnh Thị Ngọc T được ly hôn anh Hoàng Xuân Th. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao con chung là cháu Hoàng Thái B, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Trịnh Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị Ngọc T về việc không yêu cầu anh Hoàng Xuân Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị T, anh Th không yêu cầu nên không giải quyết. Buộc chị Trịnh Thị Ngọc T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Trịnh Thị Ngọc T và bị đơn là anh Hoàng Xuân Th, cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, TS, TK (Nay là thôn NB, thị trấn K) huyện TT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Trịnh Thị Ngọc T và bị đơn là anh Hoàng Xuân Th vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn

cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Hoàng Xuân Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y là nơi chị T có hộ khẩu thường trú trước đây, việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối, không vi phạm các điều kiện kết hôn, thủ tục kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Hoàng Xuân Th là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc được 5 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T và anh Th là do không phù hợp tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc nên chị T và anh Th đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Xét thấy, giữa chị Tuyến và anh Th có mâu thuẫn là thực tế, hiện nay mâu thuẫn giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, kéo dài; chị T và anh Th đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, cả anh Th và chị T đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống vì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trịnh Thị Ngọc T ly hôn anh Hoàng Xuân Th.

[3] Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung tên là Hoàng Thái B, sinh ngày 18/7/2013. Kể từ khi chị T và anh Th ly thân đến nay cháu B do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Thái B và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Hoàng Thái B đã sinh sống cùng chị T nhiều năm, khi ly hôn việc quyết định ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên phải đảm bảo nhu cầu, sự phát triển về mọi mặt cho con; bị đơn là anh Hoàng Xuân Th cũng đồng ý với yêu cầu, nguyện vọng của chị T là giao cháu Hoàng Thái B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Hoàng Thái B cho chị Trịnh Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Hoàng Xuân Th không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Ngọc T được ly hôn anh Hoàng Xuân Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thái B, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Trịnh Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Trịnh Thị Ngọc T tự nguyện không yêu cầu anh Hoàng Xuân Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Xuân Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản: Chị Trịnh Thị Ngọc T và anh Hoàng Xuân Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tuyển đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002737 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Chị Trịnh Thị Ngọc T đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh

